



**PHIẾU KHẢO SÁT MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC
 NGÀNH ĐÀO TẠO CỦA KHOA KINH TẾ - QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP**

(Dành cho Đơn vị sử dụng lao động)

Nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo, Khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp (KT-QLCN), Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ rất mong quý đơn vị hỗ trợ đóng góp ý kiến cho Khoa. Xin cam đoan mọi thông tin trong phiếu khảo sát chỉ dùng cho mục đích cải tiến để nâng cao chất lượng chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của các ngành do Khoa đào tạo.

Ngành: KTHTCN QLCN LOGISTICS QTKD TCNH KETOAN

A. THÔNG TIN CHUNG

Họ tên đáp viên: Chức vụ:

Tên đơn vị:

Địa chỉ đơn vị:

Số điện thoại liên hệ: Fax: Email

Số lượng lao động tại đơn vị: người Năm thành lập đơn vị:

B. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Trong mỗi câu hỏi, quý đơn vị vui lòng đánh dấu (✓) vào ô lựa chọn

1. Loại hình hoạt động của quý đơn vị là gì?

- | | | |
|--|--|---------------------------------------|
| <input type="radio"/> Tổ chức/DN Nhà nước | <input type="radio"/> DN 100% vốn nước ngoài | <input type="radio"/> Hộ KD cá thể |
| <input type="radio"/> Doanh nghiệp liên doanh nước ngoài | <input type="radio"/> Doanh nghiệp tư nhân | <input type="radio"/> Công ty cổ phần |
| <input type="radio"/> Công ty trách nhiệm hữu hạn | <input type="radio"/> Công ty hợp doanh | <input type="radio"/> Khác:..... |

2. Lĩnh vực hoạt động của quý đơn vị (có thể chọn nhiều phương án):

- | | |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Công nghiệp, đầu tư, xây dựng | <input type="checkbox"/> Thương mại, du lịch |
| <input type="checkbox"/> Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản | <input type="checkbox"/> Giáo dục |
| <input type="checkbox"/> Vận tải, bưu chính, viễn thông, CNTT | <input type="checkbox"/> Y tế |
| <input type="checkbox"/> Lĩnh vực khác (ghi rõ): | |

3. Hình thức thông tin tuyển dụng mà quý đơn vị đang áp dụng? (có thể chọn nhiều phương án)

- Thông báo tuyển dụng trên website của đơn vị
- Thông báo tuyển dụng trên các website chuyên thông tin việc làm
- Thông báo tuyển dụng trên báo, tạp chí giấy
- Thông báo tuyển dụng trên truyền hình, báo điện tử
- Thông báo tuyển dụng trên fanpage, mạng xã hội
- Thông báo tuyển dụng gửi đến các Trường đại học
- Khác (nêu rõ:.....)

4. Quý đơn vị có sử dụng lao động là người học (NH) do Khoa KT-QLCN đào tạo không?

- Không → trả lời tiếp từ Câu 10 đến hết
- Có → trả lời tiếp từ Câu 05 đến hết

5. Hình thức sử dụng NH do Khoa đào tạo của quý đơn vị (có thể chọn nhiều phương án):

- Nhận NH thực tập → Số lượng thực tập: NH; Trong đó, Nam:.....NH; Nữ:.....NH.
- Tuyển dụng NH → Số lượng tuyển dụng: NH; Trong đó, Nam:.....NH; Nữ:.....NH.



6. Vị trí công việc của NH do Khoa đào tạo đã thực tập/làm việc tại quý đơn vị (có thể chọn nhiều phương án):

- | | |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> Công nhân | <input type="checkbox"/> Nhân viên bảo vệ |
| <input type="checkbox"/> Nhân viên văn phòng | <input type="checkbox"/> Nhân viên kỹ thuật |
| <input type="checkbox"/> Quản lý cấp cơ sở (trưởng/phó xưởng, chuyên, ...) | <input type="checkbox"/> Quản lý cấp trung (trưởng/phó Phòng) |
| <input type="checkbox"/> Quản lý cấp cao (lãnh đạo) | <input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ): |

7. Vui lòng đánh giá năng lực NH do Khoa KT-QLCN đào tạo so với yêu cầu sử dụng lao động của quý đơn vị? (đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)

TT	Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5
1-Yếu; 2-Trung bình; 3-Khá; 4-Tốt; 5-Xuất sắc						
7.1	Kiến thức chuyên ngành	①	②	③	④	⑤
7.2	Khả năng vận dụng ngoại ngữ trong công việc	①	②	③	④	⑤
7.3	Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc	①	②	③	④	⑤
7.4	Kỹ năng giải quyết vấn đề trong công việc	①	②	③	④	⑤
7.5	Kỹ năng lập kế hoạch	①	②	③	④	⑤
7.6	Kỹ năng giao tiếp	①	②	③	④	⑤
7.7	Kỹ năng làm việc, nghiên cứu độc lập	①	②	③	④	⑤
7.8	Kỹ năng làm việc, hợp tác nhóm	①	②	③	④	⑤
7.9	Kỹ năng quản lý/lãnh đạo nhóm	①	②	③	④	⑤
7.10	Kỹ năng thuyết trình, báo cáo	①	②	③	④	⑤
7.11	Tính kỷ luật trong tuân thủ các nội quy	①	②	③	④	⑤
7.12	Tinh thần trách nhiệm	①	②	③	④	⑤
7.13	Tinh thần ham học hỏi và cầu tiến	①	②	③	④	⑤
7.14	Đánh giá chung về năng lực của cựu NH làm việc tại đơn vị	①	②	③	④	⑤

8. Vui lòng đánh giá khả năng đáp ứng công việc của NH do Khoa KT-QLCN đào tạo ngay sau khi được nhận thực tập hoặc được tuyển dụng vào đơn vị?

- Đáp ứng ngay yêu cầu công việc
 Đáp ứng ở mức cơ bản và cần đào tạo bổ sung
 Đào tạo lại → Cho biết cần bao nhiêu thời gian để thực hiện đào tạo lại.....tháng.

9. Theo quý đơn vị, nếu đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung thì cần tập trung đào tạo những nội dung gì? (có thể chọn nhiều phương án)

- | | |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên môn | <input type="checkbox"/> Kỹ năng nghiệp vụ |
| <input type="checkbox"/> Kỹ năng mềm | <input type="checkbox"/> Tác phong, thái độ |
| <input type="checkbox"/> Ngoại ngữ | <input type="checkbox"/> Công nghệ thông tin |
| <input type="checkbox"/> Khác (nêu rõ:.....) | |

10. Quý đơn vị có dự kiến nhận thực tập hay tuyển dụng NH do Khoa KT-QLCN đào tạo trong thời gian tới không?

- Không → Trả lời tiếp từ Câu 13 đến hết Có → Trả lời tiếp từ Câu 11 đến hết

11. Quý đơn vị dự kiến sử dụng NH của Khoa theo hình thức nào (có thể chọn nhiều phương án):

- | | |
|--|------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Dự kiến nhận thực tập ngành nghề/tốt nghiệp | → Số lượng nhận thực tập: NH |
| <input type="checkbox"/> Dự kiến tuyển dụng làm việc | → Số lượng tuyển dụng: NH |



12. Quý đơn vị dự kiến nhận thực tập hay tuyển dụng ngành nào do Khoa đào tạo (có thể chọn nhiều phương án):

- | | |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> Kỹ thuật hệ thống công nghiệp | <input type="checkbox"/> Quản lý công nghiệp |
| <input type="checkbox"/> Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | <input type="checkbox"/> Quản trị kinh doanh |
| <input type="checkbox"/> Tài chính - Ngân hàng | <input type="checkbox"/> Kế toán |

13. Theo quý đơn vị, NH tốt nghiệp các ngành do Khoa đào tạo có thể ứng tuyển vào những vị trí thực tập hay vị trí công tác nào cụ thể?

14. Đánh giá về tầm nhìn và sứ mạng của Trường ĐH KTCN Cần Thơ và Khoa KT-QLCN

TT	Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5
1-Rất không đồng ý; 2-Không đồng ý; 3-Trung lập; 4-Đồng ý; 5- Rất đồng ý						
14.1	Tầm nhìn của Trường ĐH KTCN CT (ở Phụ lục tr. a) là phù hợp và đáp ứng tốt nhu cầu của các bên liên quan.	①	②	③	④	⑤
14.2	Sứ mạng của Trường ĐH KTCN CT (ở Phụ lục tr. a) thể hiện được triết lý hoạt động và giá trị tổ chức với các bên liên quan.	①	②	③	④	⑤
14.3	Tầm nhìn của Khoa KT-QLCN (ở Phụ lục tr. a) là phù hợp, thể hiện được mục tiêu phát triển Khoa.	①	②	③	④	⑤
14.4	Sứ mạng của Khoa KT-QLCN (ở Phụ lục tr. a) thể hiện được triết lý hoạt động và giá trị cống hiến của Khoa.	①	②	③	④	⑤

15. Quý đơn vị vui lòng đánh giá về MỤC TIÊU ĐÀO TẠO của ngành Quản lý công nghiệp (QLCN) do Khoa KT-QLCN đào tạo qua các tiêu chí sau (đánh ✓ vào ô chọn)

TT	Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5
1-Rất không đồng ý; 2-Không đồng ý; 3-Trung lập; 4-Đồng ý; 5-Rất đồng ý						
15.1	NH tốt nghiệp có các Kiến thức (ở Phụ lục tr. a) đáp ứng theo mục tiêu đào tạo ngành.	①	②	③	④	⑤
15.2	NH tốt nghiệp có các Kỹ năng (ở Phụ lục tr. a) đáp ứng theo mục tiêu đào tạo ngành.	①	②	③	④	⑤
15.3	NH tốt nghiệp đạt Mức tự chủ và trách nhiệm (ở Phụ lục tr. a) đáp ứng theo mục tiêu đào tạo ngành.	①	②	③	④	⑤

16. Quý đơn vị vui lòng đánh giá về CHUẨN ĐẦU RA của ngành QLCN do Khoa KT-QLCN đào tạo qua các tiêu chí sau (đánh ✓ vào ô chọn)

TT	Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5
1-Rất không đồng ý; 2-Không đồng ý; 3-Trung lập; 4-Đồng ý; 5-Rất đồng ý						
16.1	NH tốt nghiệp có các Kiến thức (ở Phụ lục tr. b) đáp ứng theo chuẩn đầu ra ngành.	①	②	③	④	⑤
16.2	NH tốt nghiệp có các Kỹ năng (ở Phụ lục tr. b) đáp ứng theo chuẩn đầu ra ngành.	①	②	③	④	⑤
16.3	NH tốt nghiệp đạt Mức tự chủ và trách nhiệm (ở Phụ lục tr. b) đáp ứng theo chuẩn đầu ra ngành.	①	②	③	④	⑤



17. Quý đơn vị vui lòng đánh giá về **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** của ngành **QLCN** (trình bày ở Phụ lục tr. b) do Khoa KT-QLCN đào tạo qua các tiêu chí sau (đánh ✓ vào ô chọn)

TT	Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5
1-Rất không đồng ý; 2-Không đồng ý; 3-Trung lập; 4-Đồng ý; 5-Rất đồng ý						
17.1	Mục tiêu đào tạo của ngành học rõ ràng và phù hợp	①	②	③	④	⑤
17.2	Chuẩn đầu ra của ngành học phù hợp	①	②	③	④	⑤
17.3	CTĐT của ngành có cấu trúc hợp lý giữa các khối kiến thức, giữa lý thuyết và thực hành	①	②	③	④	⑤
17.4	CTĐT của ngành đáp ứng nhu cầu thực tiễn	①	②	③	④	⑤
17.5	Thời lượng các học phần trong CTĐT là phù hợp	①	②	③	④	⑤
17.6	Nhìn chung, quý đơn vị hài lòng về CTĐT của ngành khảo sát	①	②	③	④	⑤

18. Học phần nào **không cần thiết** trong CTĐT của ngành **QLCN**?

19. Học phần nào **cần bổ sung** vào CTĐT của ngành **QLCN**?

20. Những **thiết bị, phần mềm** nào giúp hỗ trợ đào tạo ngành **QLCN**?

21. Những thiết bị, phần mềm nào thiết yếu để hỗ trợ giảng dạy/học tập tại Khoa KT-QLCN tốt hơn?

22. Quý đơn vị vui lòng đánh giá chung về chất lượng đào tạo của Khoa KT-QLCN qua các tiêu chí sau (đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)

TT	Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5
1-Rất không đồng ý; 2-Không đồng ý; 3-Trung lập; 4-Đồng ý; 5-Rất đồng ý						
22.1	MTĐT của Khoa rõ ràng và phù hợp với thực tiễn xã hội	①	②	③	④	⑤
22.2	CTĐT các ngành học của Khoa đáp ứng tốt đặc thù ngành và đáp ứng yêu cầu thực tiễn xã hội	①	②	③	④	⑤
22.3	Số lượng và chất lượng đội ngũ GV của Khoa đảm bảo yêu cầu giáo dục đại học	①	②	③	④	⑤
22.4	Cơ sở vật chất đáp ứng tốt cho giảng dạy và học tập	①	②	③	④	⑤
22.5	Định kỳ có thực hiện cập nhật, cải tiến CTĐT qua tham vấn ý kiến các bên liên quan	①	②	③	④	⑤
22.6	Bên cạnh chuyên môn, Khoa có chú trọng rèn luyện kỹ năng mềm, thái độ và tác phong kỷ luật cho NH	①	②	③	④	⑤
22.7	Chủ động liên kết doanh nghiệp trong quá trình đào tạo và giới thiệu ứng viên tuyển dụng	①	②	③	④	⑤
22.8	Chủ động hợp tác với doanh nghiệp trong ứng dụng và chuyển giao các sản phẩm NCKH của Khoa	①	②	③	④	⑤

23. Những ý kiến đóng góp khác của quý đơn vị dành cho Khoa KT-QLCN?

(Đính kèm Phụ lục các thông tin của Trường và Khoa)

Xin chân thành cảm ơn Quý đơn vị đã hỗ trợ hoàn thành phiếu khảo sát này!



PHỤ LỤC

(i) Thông tin của Câu 14

Tầm nhìn của Trường ĐH KTCN CT: “Đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học theo định hướng ứng dụng, quản lý liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”.

Sứ mạng của Trường ĐH KTCN CT: “Đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng nhu cầu phát triển của TP Cần Thơ, vùng ĐBSCL và cả nước”.

Tầm nhìn của Khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp: “Đến năm 2030, phần đầu xây dựng Khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp trở thành Khoa phát triển bền vững, hướng đến một trong những đơn vị chủ lực, chuyên nghiệp trong mạng lưới các cơ sở đào tạo đại học ở ĐBSCL, về việc cung cấp năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học theo định hướng ứng dụng trong các lĩnh vực kinh doanh, quản lý kinh tế và kỹ thuật có chất lượng, uy tín. Là đơn vị tiên phong trong việc ứng dụng rộng rãi các công cụ, các phương pháp mới về phân tích dữ liệu lớn, nghiên cứu và chuyển giao các mô hình kinh doanh, quản lý kinh tế và kỹ thuật gắn với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Là một trong những Khoa chủ lực của trường ĐH KTCN CT, triển khai các chương trình đào tạo theo chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có uy tín trong cả nước, người học có năng lực tự khởi nghiệp sáng tạo và làm việc hiệu quả trong môi trường cả nước và quốc tế”.

Sứ mạng của Khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp: “Đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực kinh doanh, quản lý kinh tế và kỹ thuật có chất lượng, uy tín đáp ứng nhu cầu phát triển chung của trường, của thành phố Cần Thơ, vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước”.

(ii) Thông tin của Câu 15

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO của ngành Quản lý công nghiệp (QLCN)

* Kiến thức:

PO1: Nhận định đúng đắn quan điểm của Đảng và Nhà nước dựa trên sự tích hợp các kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật và an ninh quốc phòng. Gắn kết với cộng đồng, nghiêm túc thực hiện trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

PO2: Giải quyết tốt các bài toán tối ưu, bài toán cung cầu, giúp nhà quản trị ra quyết định nhờ tích hợp kiến thức cơ bản về toán học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, cơ sở ngành như: phương pháp tính và phân tích định lượng, thống kê và phân tích thống kê, kiến thức trong các lĩnh vực kinh tế, quản trị,...

PO3: Có khả năng lập, phân tích và thẩm định các dự án đầu tư, phân tích tài chính doanh nghiệp, hoạch định chiến lược, hoạch định nhân lực, quản trị và điều hành sản xuất, kiểm soát và cải tiến chất lượng, đánh giá trình độ công nghệ, hoàn thiện chuỗi cung ứng và hậu cần, loại bỏ lãng phí trong sản xuất, phát triển sản phẩm, thực hiện các hoạt động marketing cho doanh nghiệp,... nhờ tích hợp kiến thức chuyên ngành.

* Kỹ năng:

PO4: Có khả năng nhận định về chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng. Có khả năng tự rèn luyện thể chất. Có khả năng tổng hợp, đánh giá, phân tích vấn đề liên quan đến quản lý công nghiệp, có khả năng trình bày và viết báo cáo. Có khả năng đọc hiểu và viết được tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh. Có khả năng sử dụng hiệu quả các công cụ trong kiểm soát chất lượng, phần mềm và sử dụng thành thạo các mô hình toán để giải quyết các bài toán tối ưu.

PO5: Có khả năng thực hiện được chức năng của mình trong môi trường công nghiệp, hành chính chính phủ; có khả năng nghiên cứu và ứng dụng kiến thức khoa học liên quan mang tính học thuật; có khả năng đưa ra ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành các hoạt động trong doanh nghiệp và ngoài xã hội; có kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm.

* Mức tự chủ và trách nhiệm:

PO6: Nhận thức đúng đắn về đường lối chính sách chủ trương của Đảng và Nhà nước; có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu ngành nghề.

PO7: Nhận thức về trách nhiệm và nghĩa vụ của kỹ sư quản lý công nghiệp; có đạo đức và bản lĩnh nghề nghiệp; có kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp. Có ý thức rèn luyện sức khỏe để phục vụ ngành nghề. Có ý thức tự học tập, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp suốt đời.

(iii) Thông tin của Câu 16

CHUẨN ĐẦU RA của ngành Quản lý công nghiệp (QLCN)

* Kiến thức:

K1. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn, khoa học chính trị và pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng làm nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành QLCN.

K2. Vận dụng được các kiến thức toán, khoa học cơ bản vào các vấn đề thuộc ngành QLCN.



K3. Vận dụng được kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc hằng ngày trong cuộc sống và nghiệp vụ lĩnh vực QLCN.

K4. Phân tích, lập kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật thuộc chuyên ngành QLCN của doanh nghiệp và tổ chức, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

K5. Đánh giá, nhận định để đưa ra phán quyết của bản thân đối với hoạt động quản lý, điều hành, hoạt động chuyên môn thuộc ngành QLCN.

*** Kỹ năng:**

S1. Đạt được trình độ tiếng Anh: TOEIC 450 hoặc khung trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Đạt được trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản.

S2. Phân tích được các vấn đề và truyền đạt giải pháp có liên quan đến người khác trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp, đa dạng trong chuyên môn.

S3. Phân tích, thiết kế hoạt động sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp về mặt kinh tế, kỹ thuật.

S4. Đánh giá, giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp thuộc ngành QLCN trong môi trường kinh doanh thay đổi.

S5. Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các cá nhân tham gia.

*** Mức tự chủ và trách nhiệm:**

C1. Phối hợp làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

C2. Tổ chức được quy trình hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định trong các hoạt động chuyên môn về lĩnh vực QLCN.

C3. Tham gia lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, quản lý thời gian trong các hoạt động chuyên môn về lĩnh vực QLCN.

C4. Tự định hướng để đưa ra kết luận, quyết định chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

(iv) Thông tin của Câu 17

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO của ngành Quản lý công nghiệp (QLCN)

*** Thông tin về chương trình đào tạo**

- Tên ngành đào tạo tiếng Việt: Quản lý công nghiệp
- Tên ngành đào tạo tiếng Anh: Industrial Management
- Mã số ngành đào tạo: 7510601
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Đơn vị quản lý: Khoa KT-QLCN

- Trình độ đào tạo: Kỹ sư
- Hình thức đào tạo: Tập trung
- Thời gian đào tạo: 4,5 năm

*** Cấu trúc chương trình dạy học**

- Tổng số tín chỉ: 150 TC (không bao gồm học phần Giáo dục quốc phòng và An Ninh, học phần Giáo dục thể chất), trong đó: tổng số tín chỉ bắt buộc: 126 và tổng số tín chỉ tự chọn: 24.

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần: học trước (a), song hành (b)
Kiến thức giáo dục đại cương				34	32	2			
1	CB040	Triết học Mác – Lênin	1	3	3		45	0	
2	CB004	Pháp luật đại cương	1	2	2		30	0	
3	CB023	Anh văn căn bản 1	1	4	4		60	0	
4	CB003	Đại số tuyến tính	1	2	2		30	0	
5	CB033	Giải tích 1	1	3	3		45	0	
6	CB024	Anh văn căn bản 2	2	3	3		45	0	CB023(a)
7	CB041	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	2		30	0	CB040(a)
8	CB010	Hóa học 2	2	2	2		30	0	
9	CB006	Xác suất và thống kê	2	2	2		30	0	
10	CB050	GDQP&AN 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam*	2	2	2		37	8	
11	CB051	GDQP&AN 2: Công tác quốc phòng và an ninh*	2	2	2		22	8	
12	CB052	GDQP&AN 3: Quân sự chung*	2	2	2		14	16	
13	CB053	GDQP&AN 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	2	2	2		4	56	
14	CB035	Giáo dục thể chất 1 (*)	2	1	1		0	30	



Số TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần: học trước (a), song hành (b)
15	CB036	Giáo dục thể chất 2 (*)	2	1	1		0	30	
16	CB037	Giáo dục thể chất 3 (*)	2	1	1		0	30	
17	CB042	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	2		30	0	CB041(a)
18	CB025	Anh văn căn bản 3	3	3	3		45	0	CB024(a)
19	TT092	Tin học căn bản	3	2		2	15	30	
20	CB005	Văn bản và lưu trữ đại cương	3	2			30	0	
21	CB043	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2	2		30	0	CB042(a)
22	CB044	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	5	2	2		30	0	CB043(a)
Kiến thức cơ sở ngành					38	32	6		
23	QL009	Quản trị học đại cương	1	2	2		30	0	
24	QL030	Marketing căn bản	2	2	2		30	0	
25	QL172	Nhập môn ngành quản lý công nghiệp	2	2	2		30	0	
26	QL011	Kinh tế học đại cương	2	3	3		45	0	
27	QL002	Quản lý sản xuất	3	3	3		45	0	
28	CK003	Vẽ kỹ thuật	3	3	3		30	30	
29	CK002	Kỹ thuật cơ khí đại cương	3	2	2		30	0	
30	QL038	Luật kinh tế	3	2	2		30	0	CB004 (a)
31	QL035	Kê toán đại cương	4	2	2		30	0	
32	QL046	Thống kê trong kinh doanh	4	2	2		30	0	CB006 (a), QL011 (a)
33	QL008	Phương pháp định lượng trong quản lý và thực tập	4	3	3		30	30	CB006 (a)
34	QL013	Quản lý bảo trì công nghiệp	4	2	2		30	0	
35	QL143	Phương pháp nghiên cứu khoa học cho khối ngành quản lý	5	2	2		30	0	
36	QL028	Thuế	5	2		2	30	0	
37	QL060	An toàn và bảo hộ lao động	5	2			30	0	
38	QL007	Quá trình và thiết bị công nghiệp	6	2	2		30	0	
39	DI602	Tiết kiệm năng lượng trong các hệ thống công nghiệp	6	2		4	30	0	
40	QL032	Hệ thống thông tin quản lý	6	2			20	20	
41	TP056	Công nghệ chế biến lương thực, thực phẩm đại cương	6	2			25	10	
42	QL058	Nghệ thuật lãnh đạo	6	2			30	0	QL009 (a)
Kiến thức chuyên ngành					78	62	16		
43	QL022	Quản lý dự án công nghiệp	4	2	2		30	0	
44	QL016	Quản lý công nghệ	4	2	2		30	0	
45	CB049	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	4	2		2	30	0	
46	CB012	Kỹ năng giao tiếp	4	2			30	0	
47	QL014	Quản lý chuỗi cung ứng và hậu cần	5	3	3		45	0	
48	QL033	Tài chính doanh nghiệp	5	2	2		30	0	
49	QL048	Quản trị marketing	5	2	2		30	0	QL009 (a), QL030 (a)
50	QL156	Thực tập thực tế chuyên đề marketing công nghiệp	5	2	2		0	90	QL030 (a)



Số TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần: học trước (a), song hành (b)
51	QL051	Kế toán quản trị	5	3	3		45	0	QL009 (a), QL011 (a), QL035 (a)
52	QL012	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm	6	2	2		30	0	
53	QL170	Quản lý chất lượng hệ thống	6	3	3		45	0	CB006 (a), QL002 (a)
54	QL157	Thực tập thực tế chuyên đề quản lý chuỗi cung ứng và hậu cần	6	2	2		0	90	QL014 (a)
55	QL049	Quản trị tài chính	6	3	3		45	0	QL033 (a)
56	QL018	Kỹ thuật ra quyết định	6	2	2		30	0	
57	QL108	Anh văn chuyên ngành công nghiệp	7	2	2		30	0	CB023 (a), CB024 (a), CB025 (a)
58	QL034	Quản lý sản xuất theo Lean & JIT	7	2	2		30	0	
59	QL068	Kỹ năng giải quyết vấn đề	7	2	2		30	0	
60	QL158	Thực tập thực tế chuyên đề tài chính	7	2	2		0	90	QL033 (a), QL035 (a), QL049 (a), QL051 (a)
61	QL141	Thực tập ngành nghề - QLCN	7	2	2		0	90	
62	QL169	Tự động hóa quá trình sản xuất	7	2	2		30	0	
63	QL015	Đo lường và thiết kế công việc	7	2	2		30	0	
64	TT034	Quản lý an ninh thông tin	7	2			15	30	
65	QL062	Lập và thẩm định dự án đầu tư	7	2			30	0	
66	QL064	Quản trị rủi ro	7	2		4	30	0	CB006 (a), QL009 (a)
67	QL031	Kỹ thuật dự báo trong công nghiệp	7	2			30	0	QL002 (a)
68	QL020	Quản lý vật tư - tồn kho	8	2	2		30	0	
69	QL069	Công nghệ sản xuất sạch hơn	8	2	2		30	0	
70	QL074	Quản trị doanh nghiệp	8	2	2		30	0	QL009 (a)
71	QL132	Quản trị sự thay đổi	8	2	2		30	0	
72	QL052	Mô phỏng trong kinh doanh	8	2	2		30	0	QL009 (a), QL011 (a), QL030 (a)
73	QL024	Quy hoạch công nghiệp	8	2	2		30	0	
74	QL056	Quản trị chiến lược	8	2	2		30	0	
75	QL017	Quản trị nhân sự	8	2	2		30	0	QL009 (a)
76	QL090	Hệ thống xếp dỡ hàng hóa	8	2	2		30	0	
77	QL019	Kỹ thuật điều độ trong sản xuất và dịch vụ	8	2	2		30	0	
78	QL144	Khóa luận tốt nghiệp - QLCN	9	10			0	450	
79	QL145	Thực tập tốt nghiệp - QLCN	9	10			0	450	
80	QL166	Ứng dụng Blockchain trong QLCN	9	3		10	45	0	
81	QL167	Kế hoạch kinh doanh	9	2			30	0	
82	QL168	Tin học ứng dụng trong QLCN	9	3			30	30	
83	QL171	Ứng dụng thương mại điện tử	9	2			30	0	
Tổng				150	126	24			

Học phần có dấu (*) là những học phần điều kiện, không tính vào điểm trung bình chung tích lũy.